# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG - BẢN TIN NGÀY 06/05/2025

| VNINDEX | VN30 | HNX | UPCOM | NIKKEI 225 | DAX |
|---|---|---|---|---|---|
| 1,240.05 +1.12% | 2,127.81 +0.41% | 92.38 -0.04% | 41,218.83 -0.24% | 38,830.69 +1.04% | 23,344.54 0.00% |

**Biểu đồ VNINDEX**

**Nhận định thị trường và chiến lược**

**"Hãy ăng tích cực sau kỳ nghỉ lễ"**

Kết thúc phiên giao dịch đầu tiên áp dụng hệ thống KRX, VN-Index tăng +13.75 điểm (+1.12%) lên mức 1240.05 điểm với 13 mã tăng trần, 233 mã tăng, 85 mã giảm, 5 mã sàn và 47 mã tham chiếu. Tổng giá trị giao dịch tiền sàn HOSE đạt 14.015 nghìn tỷ đồng tăng 10.8% so với phiên trước.

Mở đầu tháng 5, thị trường diễn ra tâm lý mua đón mạnh khi VN-Index khởi lượng giao dịch thấp. Nhưng thay đổi lớn nhất thuộc về Ngân hàng (+0.24%). Bất đồng sản (+2.69%) và Dịch vụ tài chính (+0.54%) nổi những cổ phiếu dẫng chủ ý là VIX (+4.18%), VFS (+2.29%), VHM (+2.28%).

Diễn biến của các nhóm cổ phiếu chủ đề thì trường chính: VN-Index (+1.12%), HNX-Index (+0.41%), UPCOM-Index (-0.04%), VN30 (+0.82%), VNMID (+2.11%), VNSML (+1.28%), VNDIAMOND (+0.66%), VNFINLEAD (+0.34%), VNCOND (+0.56%), VNCONS (-0.12%).

Diễn biến của các quỹ nổi bật: FUESSVFL (+0.64%), FUEKIV30 (+1.15%), FUEMAVND (-0.40%), FUESSV50 (0%), FUEVN100 (-0.81%).

Các cổ phiếu tác động tích cực tới chỉ số VN-Index gồm: VHM (+2.45 điểm), VIC (+1.82 điểm), GVR (+1.1 điểm). Trong khi đó, các cổ phiếu kéo giảm điểm thị trường gồm VCB (-0.4 điểm), VHM (-0.35 điểm), LPB (-0.28 điểm).

Khối ngoại mua ròng 125.54 tỷ đồng. Các cổ phiếu được khối ngoại mua ròng gồm VRE (+130.1 tỷ), MSN (+40.59 tỷ), NLG (+39.65 tỷ). Trong khi đó, các cổ phiếu bị bán ròng là FPT (-231.17 tỷ), VCI (-77.66 tỷ), VCB (-69.19 tỷ).

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**

Phiên giao dịch sau kỳ nghỉ lễ, thị trường đã có hiệu ứng tâm lý giao dịch tích cực, đóng tiền tham gia trở lại, cổ phiếu tiếp tục vận động khá tích cực. Chỉ số VN-Index kết phiên 1240.05 điểm, tăng 13.75 điểm, đường giá có xu thế hướng lên. Khối lượng giao dịch đều đặn tăng lên để tích lũy trong giai đoạn tích lũy. Đây là yếu tố duy trì sự tích cực trong quá trình hồi phục tiếp diễn trong bối cảnh cây nến tháng 4 xúc chiến trên vùng giá 1221 điểm. Dòi tiền vay dự kiến sẽ hình thành điểm biến hồi phục tích cực lên vùng kháng cự 1250- 1280 trong tháng 5 trước khi có điểm biến mới.

Nhà đầu tư nên tiếp tục giao dịch theo chiều hướng hồi phục của cổ phiếu tăng giá mạnh vượt trội. Các nhóm cổ phiếu ngành xuất khẩu tiềm lực tăng trưởng tiếp bởi thông tin thuế quan tiếu cực như Dệt may, Thủy sản, BDS KCN... cũng đã cho thấy hiệu hiệu tạo đáy ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể tiếp tục chủ ý mua đón với các nhóm ngành Ngân hàng, Chứng khoán. Vật liệu xây dựng, Thực phẩm – đồ uống, Bán lẻ, Xây dựng - Đầu tư công, Bất động sản,... đang có sự vận động tích cực. Nhà đầu tư có thể lựa chọn dưa vơ hoặc gia tăng tỷ trọng trong tài khoản đối với cổ phiếu đầu ngành các ngành nêu trên.

Tổng quan vu hướng thị trường: sự hưởng tuyên giảm, tuy chưa phải vế cắc trục tuẩn ở 1030-1070 điểm, khi trong tháng 4 giả định cũng sẽ đạt mức tích cực. Tuy nhiên, đường giá vẫn đuổi trung bình trượt EMA 10,20,50 tuần. Chỉ báo thị trường MACD dang nằm trong pha giảm tuần. Trong tuần qua đã đi chuyển tiềm cận vào vùng kháng cự và có trang thái suy yếu và tỷ rủ bởi thanh. Đường giá đi chuyển phức tạp, tự hồi trợ dưới 1182- 1150 điểm rồi cạn trên 1250-1280 điểm. Vẫn xuất hiện di chuyển nhu trên thì đường giá vẫn hoàn toàn nằm dưới các đường trung bình trượt tuần, và vùng cung đáy đặc phía trên kháng cự, rủi ro vẫn còn tiềm ẩn ở khung trung hạn. Do đó trên góc nhìn trung hạn, nhà đầu tư đã có sẵn cổ phiếu nên đợi thị trường xác nhận trên tuần để có thể gia tăng khối lượng cổ phiếu trung hạn.

Dòng tiền đã ra sau nhịp bán thào mạnh đang dần trở lại. Tuy nhiên, do sức mua của nhà đầu tư cá nhân chưa đủ bền vững cho yếu tố tăng trở lại của ngân hàn - trung hạn nên nhịp lên hiện tại vẫn được đánh giá là yu hướng hồi phục thử 2 trên kênh giữ- ngắn.

Xu hướng ngắn hạn: hồi phục, tuy nhiên đã tăng nhanh vào vùng kháng cự và vẫn cài thiện dần động lượng tăng giá. hành vi giao dịch mua lên. Do đó hiện tại vùng giá kháng cự theo các đường trung bình trượt ngày, và kháng cự của vùng cung 1250- 1280 điểm được đánh giá không còn an toàn đối với cổ phiếu đã có đới hồi phục, phù hợp với trang thái ha ly trong trong thuyền ngịn trước đó đối với cổ phiếu ở vt thế kẹp trước pha chính mạnh trong tháng 4. Áp lực cung thế gia tăng khi thị trường không duy trì được thanh khoản mua lên, thị trường hoàn toàn có thể di chuyển xuống kiểm tra lại mốc hỗ trợ 1. Rủi ro thị trường có thể xuất hiện nhiều cổ phiếu giảm giá mạnh hơn.

Như vậy, kích bản thị trường có sự điều chỉnh giảm nhẹ gần vùng hỗ trợ 1182-1150 điểm, sau đó tiếp tục hồi phục nhịp thứ 2 (có thể yếu hơn nhịp đầu tiên) lên vùng trên 6 1250-1280 điểm để hoàn thành cấu trúc hồi phục thứ 2 của kháng ngắn hạn đang diễn ra tiếp diễn trong tháng 5.

Kháng cự - hỗ trợ:
Kháng cự 1: 1300-1320
Kháng cự 2: 1250-1280
Hỗ trợ 1: 1182- 1150
Hỗ trợ 2: 1070-1030
Hỗ trợ 3: 1000-980

**CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG**

Thị trường tiếp tục duy trì kỳ vọng nhịp hồi phục thứ 2 như dự kiến, nhà đầu tư kiểm giao dịch chơi cổ phiếu còn dư địa tăng giá nhiều hơn so với thị trường chung. Với chỉ số VN-index, cần có vào mốc hỗ trợ 1 là điểm phân định quan giữ rủi ro và trung.

Bộ cánh đông tiền chưa cho thấy yếu tố ổn định cao, cổ phiếu di chuyển trong vùng kháng cự hỗ trợ gần nhất. Nhà đầu tư có thể tiếp tục mua vào ngắn hạn với tỷ trọng vừa phải nhóm cổ phiếu có biểu hiện tạo đáy như Dệt may, Thủy sản, BDS KCN, Xây dựng- Đầu tư công, Chứng khoán, Ngân hàng. Bán lẻ... - theo tiêu chí tương quan giá nằm trên đường trung bình trượt MA5, MA10 ngày.

Tuần giao dịch đầu tiên trong tháng 5, khi thị trường chưa di chuyển tới vùng giá 1244 điểm nhà đầu tư có thể mở mua tiếp và giữ danh mục tốt thích điểm thị trường vượt qua vùng qua 1248 điểm thì nên hạn chế mua đuổi; sau đó thị trường kiểm kiểm định vùng cung gần 1250-1270/ 1280 điểm. Thanh khoản và khối lượng cần cải thiện cho thấy được sự bền vững tại vùng tâm lý này, so với lượng cung chốt lời của kháng cự bắt đầu xả lượng cung kẹp hàng trên cao. Nếu VN-Index chinh phục vùng 1250-1280 điểm với khối lượng vượt được khối liền nhiều chiều kháng ngắn kéo thanh khoản gần, đây là tín hiệu xuất hiện đảo chiều giảm, nhà đầu tư nên ưu tiên ha tỷ trọng ở vùng đã bắt đầu.

Kích bản VN-Index vượt 1260 với thanh khoản cao và MACD tiến cần tới đường Zero, chỉ số có thể tiến lên tới 1280-1300 điểm, đồng thời xây dựng mô hình tái tích lũy trên vùng nay; mở ra khả năng tăng tỉ giá của xu hướng. Tuy nhiên, khả năng nay hiện tại chưa được ưu tiên do sau bộ nghỉ giảm trung hạn vẫn chưa phổ, cần thêm yếu tố để xác nhận.

**BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP**

- Báo cáo Cập nhật Đại hội đồng cổ đông 2025 - VSC
- Báo cáo Cập nhật Đại hội đồng cổ đông 2025 - VCG
- Báo cáo Cập nhật Đại hội đồng cổ đông 2025 - PLX
- Báo cáo Cập nhật Đại hội đồng cổ đông 2025 - NLG

**TIN TỨC THẾ GIỚI**

- Thuế quan của Mỹ: ASEAN+3 cảnh báo tác động tiềm ẩn chủ nghĩa bảo hộ
- OPEC+ tăng sản lượng vào tháng 6, giá dầu WTI lao dốc hơn 4%
- Ổng Trump lạc quan về kinh tế Mỹ

**TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY**

- Bộ Tài chính nhiều cấp thuế 20% trên tài chuyển nhượng nhà đất
- Việt Nam và Mỹ sẽ tiến hành phân đàm phân đầu tiên thế vuất quan vào ngày 7/5
- KRX go-live: Hệ thống đang hoạt động ổn định

**LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý**

06/05/2025: Công bố số liệu kinh tế VN tháng 4 và 4 tháng
08/05/2025: FED công bố bài suất điều hành lại Mỹ

**Chỉ số thị trường Việt Nam**

| Chỉ số | 05/05/2025 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên | (+/-%) 30 phiên |
|---|---|---|---|---|---|
| VNINDEX | 1,240.05 | 1.12% | 3.59% | 6.39% | |
| VNINDEX GTGD (Tỷ VND) | 14,015.49 | -9.61% | -58.89% | -40.16% | |
| HNX | 212.81 | 0.41% | 2.46% | -13.24% | |
| HNX GTGD (Tỷ VND) | 3,236.71 | 319.12% | 67.72% | 222.67% | |
| Upcom | 92.38 | -0.04% | 3.02% | -7.02% | |
| Upcom GTGD (Tỷ VND) | 0.00 | -100.00% | -100.00% | -100.00% | |
| P/E VNIndex (x) | 11.93 | 0.93% | -0.17% | -9.55% | |
| P/B VNIndex (x) | 1.54 | -0.65% | -0.65% | -9.94% | |

**TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE**

| Top cổ phiếu VN30 | Top 5 mã tăng giá 1 phiên | | Top 5 mã giảm giá 1 phiên | | Top 5 mã tăng giá 7 phiên | | Top 5 mã giảm giá 7 phiên | | Top 5 mã tăng giá 30 phiên | | Top 5 mã giảm giá 30 phiên | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VRE | 5.29% | LPB | -1.23% | VRE | 20.78% | SSB | -3.91% | VRE | 34.96% | BCM | -28.75% |
| 2 | GVR | 4.85% | VNM | -1.22% | VIC | 18.64% | SHB | -3.79% | VIC | 34.87% | GVR | -28.59% |
| 3 | BCM | 4.55% | HDB | -1.17% | GVR | 11.41% | LPB | -3.31% | VNM | 28.62% | PLX | -18.92% |
| 4 | VHM | 4.24% | PLX | -0.74% | BCM | 10.58% | STB | -2.83% | SHB | 9.81% | TPB | -15.26% |
| 5 | VIC | 4.19% | FPT | -0.73% | VCI | 7.11% | VCB | -2.39% | STB | 2.86% | GAS | -14.97% |

| Top cổ phiếu Mid cap | Top 5 mã tăng giá 1 phiên | | Top 5 mã giảm giá 1 phiên | | Top 5 mã tăng giá 7 phiên | | Top 5 mã giảm giá 7 phiên | | Top 5 mã tăng giá 30 phiên | | Top 5 mã giảm giá 30 phiên | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | GEX | 6.98% | CRE | -2.31% | LGC | 34.90% | AGG | -4.13% | VSC | 33.43% | ORS | -35.23% |
| 2 | BWE | 6.95% | VPI | -2.07% | VSC | 30.87% | PGD | -2.80% | VCI | 29.00% | PHR | -30.17% |
| 3 | VSC | 6.92% | HNA | -2.00% | SIP | 17.65% | APH | -2.69% | GEX | 26.71% | SZC | -29.09% |
| 4 | PPC | 6.84% | APH | -1.81% | HSG | 17.20% | SGN | -1.67% | BMP | 21.34% | VHC | -26.91% |
| 5 | HSG | 6.16% | MSH | -1.81% | GMD | 16.45% | KDC | -1.49% | BWE | 17.00% | DIG | -26.16% |

| Top cổ phiếu Small cap | Top 5 mã tăng giá 1 phiên | | Top 5 mã giảm giá 1 phiên | | Top 5 mã tăng giá 7 phiên | | Top 5 mã giảm giá 7 phiên | | Top 5 mã tăng giá 30 phiên | | Top 5 mã giảm giá 30 phiên | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CSV | 6.99% | RAL | -6.96% | TDM | 22.62% | ABR | -8.83% | TDM | 46.58% | AGM | -41.52% |
| 2 | BFC | 6.98% | COM | -6.91% | DCL | 22.51% | TNC | -7.59% | SMC | 39.17% | TCD | -35.29% |
| 3 | CKG | 6.97% | CVT | -6.87% | CSM | 20.00% | SPM | -7.56% | HAH | 36.93% | SGR | -32.90% |
| 4 | GEG | 6.96% | ABR | -6.47% | VAF | 19.01% | DHI | -6.73% | CBC | 34.36% | TCM | -29.00% |
| 5 | AST | 6.93% | HAP | -5.45% | TCO | 17.21% | M | -6.25% | HHS | 29.57% | VDS | -28.83% |

**TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA**

| | 05/05/2025 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên |
|---|---|---|---|---|
| **TTCK Toàn cầu** | | | | |
| DAX | 23,344.54 | 0.00% | 5.80% | 1.50% |
| Dow Jones | 41,218.83 | -0.24% | 2.76% | -3.20% |
| FTSE 100 | 8,596.35 | 1.17% | 2.25% | -1.21% |
| Nikkei 225 | 36,830.69 | 1.04% | 5.63% | -2.25% |
| S&P 500 | 5,650.38 | -0.64% | 2.27% | -2.03% |
| **Tỷ giá** | | | | |
| USD/VND | 26,005.00 | 0.00% | -0.08% | 1.72% |
| USD/JPY | 144.92 | -0.32% | 1.59% | -3.84% |
| GBP/USD | 1.33 | 0.00% | 0.00% | 3.10% |
| EUR/USD | 1.13 | 0.00% | -0.88% | 4.63% |
| **Nông lượng** | | | | |
| Dầu thô Brent | USD/Bbl | 60.23 | -1.73% | -8.47% | -17.49% |
| Khí tự nhiên | USD/MMBtu | 3.57 | -1.65% | 14.79% | -9.62% |
| Than | USD/T | 98.50 | 0.51% | 3.30% | 1.65% |
| **Kim loại và vật liệu xây dựng** | | | | | |
| Vàng | USD/t.oz | 3,333.92 | 2.92% | 0.42% | 10.77% |
| Bạc | USD/t.oz | 32.51 | 3.56% | -1.69% | -1.28% |
| Thép cuộn cán nóng | USD/T | 875.00 | 0.11% | -1.35% | -4.89% |
| Thép | CNY/T | 3,052.00 | 0.07% | 1.16% | -3.48% |
| Đồng | USd/Lbs | 4.65 | 0.00% | -3.93% | -10.58% |
| Quặng sắt | USD/T | 97.41 | -0.79% | -2.51% | -4.70% |
| Gỗ | USD/1000 board feet | 540.98 | -1.46% | -5.27% | -20.82% |
| **Nông nghiệp** | | | | | |
| Cà phê | US¢/Lbs | 396.35 | 1.57% | -2.34% | -0.49% |
| Đường | US¢/Lbs | 17.43 | 0.87% | -4.13% | -10.80% |
| Cao su | USD Cents / Kg | 169.70 | 0.83% | 0.30% | -14.12% |
| Lợn hơi | US¢/Lbs | 92.25 | -0.75% | -0.59% | 7.64% |
| Lúa mì | USd/Bu | 513.76 | -2.42% | -3.06% | -6.29% |

**BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 05/05/2025**

**1. Độ rộng thị trường**

**2. Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số**

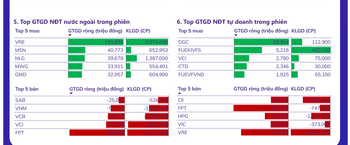


**3. GTGD ròng ngoại 10 phiên (tỷ VND)**

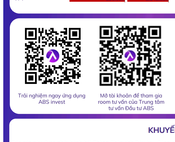
-4.9M
-9.8M
-14.7M
-19.6M
-24.5M
-29.4M
-34.3M
-39.2M
-44.1M
-49.0M
-53.9M
-58.8M
-63.7M
-68.6M
-73.5M
-78.4M
-83.3M
-88.2M
-93.1M
-98.0M
-102.9M
-107.8M
-112.7M
-117.6M
-122.5M
-127.4M
-132.3M
-137.2M
-142.1M
-147.0M
-151.9M
-156.8M
-161.7M
-166.6M
-171.5M
-176.4M
-181.3M
-186.2M
-191.1M
-196.0M
-200.9M
-205.8M
-210.7M
-215.6M
-220.5M
-225.4M
-230.3M
-235.2M
-240.1M
-245.0M
-249.9M
-254.8M
-259.7M
-264.6M
-269.5M
-274.4M
-279.3M
-284.2M
-289.1M
-294.0M
-298.9M
-303.8M
-308.7M
-313.6M
-318.5M
-323.4M
-328.3M
-333.2M
-338.1M
-343.0M
-347.9M
-352.8M
-357.7M
-362.6M
-367.5M
-372.4M
-377.3M
-382.2M
-387.1M
-392.0M
-396.9M
-401.8M
-406.7M
-411.6M
-416.5M
-421.4M
-426.3M
-431.2M
-436.1M
-441.0M
-445.9M
-450.8M
-455.7M
-460.6M
-465.5M
-470.4M
-475.3M
-480.2M
-485.1M
-490.0M
-494.9M
-499.8M
-504.7M
-509.6M
-514.5M
-519.4M
-524.3M
-529.2M
-534.1M
-539.0M
-543.9M
-548.8M
-553.7M
-558.6M
-563.5M
-568.4M
-573.3M
-578.2M
-583.1M
-588.0M
-592.9M
-597.8M
-602.7M
-607.6M
-612.5M
-617.4M
-622.3M
-627.2M
-632.1M
-637.0M
-641.9M
-646.8M
-651.7M
-656.6M
-661.5M
-666.4M
-671.3M
-676.2M
-681.1M
-686.0M
-690.9M
-695.8M
-700.7M
-705.6M
-710.5M
-715.4M
-720.3M
-725.2M
-730.1M
-735.0M
-739.9M
-744.8M
-749.7M
-754.6M
-759.5M
-764.4M
-769.3M
-774.2M
-779.1M
-784.0M
-788.9M
-793.8M
-798.7M
-803.6M
-808.5M
-813.4M
-818.3M
-823.2M
-828.1M
-833.0M
-837.9M
-842.8M
-847.7M
-852.6M
-857.5M
-862.4M
-867.3M
-872.2M
-877.1M
-882.0M
-886.9M
-891.8M
-896.7M
-901.6M
-906.5M
-911.4M
-916.3M
-921.2M
-926.1M
-931.0M
-935.9M
-940.8M
-945.7M
-950.6M
-955.5M
-960.4M
-965.3M
-970.2M
-975.1M
-980.0M
-984.9M
-989.8M
-994.7M
-999.6M
-1.004.5M
-1.009.4M
-1.014.3M
-1.019.2M
-1.024.1M
-1.029.0M
-1.033.9M
-1.038.8M
-1.043.7M
-1.048.6M
-1.053.5M
-1.058.4M
-1.063.5M
-1.068.4M
-1.073.3M
-1.078.2M
-1.083.1M
-1.088.0M
-1.092.9M
-1.097.8M
-1.102.7M
-1.107.6M
-1.112.5M
-1.117.4M
-1.122.3M
-1.127.2M
-1.132.1M
-1.137.0M
-1.141.9M
-1.146.8M
-1.151.7M
-1.156.6M
-1.161.5M
-1.166.4M
-1.171.3M
-1.176.2M
-1.181.1M
-1.186.0M
-1.190.9M
-1.195.8M
-1.200.7M
-1.205.6M
-1.210.5M
-1.215.4M
-1.220.3M
-1.225.2M
-1.230.1M
-1.235.0M
-1.239.9M
-1.244.8M
-1.249.7M
-1.254.6M
-1.259.5M
-1.264.4M
-1.269.3M
-1.274.2M
-1.279.1M
-1.284.0M
-1.288.9M
-1.293.8M
-1.298.7M
-1.303.6M
-1.308.5M
-1.313.4M
-1.318.3M
-1.323.2M
-1.328.1M
-1.333.0M
-1.337.9M
-1.342.8M
-1.347.7M
-1.352.6M
-1.357.5M
-1.362.4M
-1.367.3M
-1.372.2M
-1.377.1M
-1.382.0M
-1.386.9M
-1.391.8M
-1.396.7M
-1.401.6M
-1.406.5M
-1.411.4M
-1.416.3M
-1.421.2M
-1.426.1M
-1.431.0M
-1.435.9M
-1.440.8M
-1.445.7M
-1.450.6M
-1.455.5M
-1.460.4M
-1.465.3M
-1.470.2M
-1.475.1M
-1.480.0M
-1.484.9M
-1.489.8M
-1.494.7M
-1.499.6M
-1.504.5M
-1.509.4M
-1.514.3M
-1.519.2M
-1.524.1M
-1.529.0M
-1.533.9M
-1.538.8M
-1.543.7M
-1.548.6M
-1.553.5M
-1.558.4M
-1.563.5M
-1.568.4M
-1.573.3M
-1.578.2M
-1.583.1M
-1.588.0M
-1.592.9M
-1.597.8M
-1.602.7M
-1.607.6M
-1.612.5M
-1.617.4M
-1.622.3M
-1.627.2M
-1.632.1M
-1.637.0M
-1.641.9M
-1.646.8M
-1.651.7M
-1.656.6M
-1.661.5M
-1.666.4M
-1.671.3M
-1.676.2M
-1.681.1M
-1.686.0M
-1.690.9M
-1.695.8M
-1.700.7M
-1.705.6M
-1.710.5M
-1.715.4M
-1.720.3M
-1.725.2M
-1.730.1M
-1.735.0M
-1.739.9M
-1.744.8M
-1.749.7M
-1.754.6M
-1.759.5M
-1.764.4M
-1.769.3M
-1.774.2M
-1.779.1M
-1.784.0M
-1.788.9M
-1.793.8M
-1.798.7M
-1.803.6M
-1.808.5M
-1.813.4M
-1.818.3M
-1.823.2M
-1.828.1M
-1.833.0M
-1.837.9M
-1.842.8M
-1.847.7M
-1.852.6M
-1.857.5M
-1.862.4M
-1.867.3M
-1.872.2M
-1.877.1M
-1.882.0M
-1.886.9M
-1.891.8M
-1.896.7M
-1.901.6M
-1.906.5M
-1.911.4M
-1.916.3M
-1.921.2M
-1.926.1M
-1.931.0M
-1.935.9M
-1.940.8M
-1.945.7M
-1.950.6M
-1.955.5M
-1.960.4M
-1.965.3M
-1.970.2M
-1.975.1M
-1.980.0M
-1.984.9M
-1.989.8M
-1.994.7M
-1.999.6M
-2.004.5M
-2.009.4M
-2.014.3M
-2.019.2M
-2.024.1M
-2.029.0M
-2.033.9M
-2.038.8M
-2.043.7M
-2.048.6M
-2.053.5M
-2.058.4M
-2.063.5M
-2.068.4M
-2.073.3M
-2.078.2M
-2.083.1M
-2.088.0M
-2.092.9M
-2.097.8M
-2.102.7M
-2.107.6M
-2.112.5M
-2.117.4M
-2.122.3M
-2.127.2M
-2.132.1M
-2.137.0M
-2.141.9M
-2.146.8M
-2.151.7M
-2.156.6M
-2.161.5M
-2.166.4M
-2.171.3M
-2.176.2M
-2.181.1M
-2.186.0M
-2.190.9M
-2.195.8M
-2.200.7M
-2.205.6M
-2.210.5M
-2.215.4M
-2.220.3M
-2.225.2M
-2.230.1M
-2.235.0M
-2.239.9M
-2.244.8M
-2.249.7M
-2.254.6M
-2.259.5M
-2.264.4M
-2.269.3M
-2.274.2M
-2.279.1M
-2.284.0M
-2.288.9M
-2.293.8M
-2.298.7M
-2.303.6M
-2.308.5M
-2.313.4M
-2.318.3M
-2.323.2M
-2.328.1M
-2.333.0M
-2.337.9M
-2.342.8M
-2.347.7M
-2.352.6M
-2.357.5M
-2.362.4M
-2.367.3M
-2.372.2M
-2.377.1M
-2.382.0M
-2.386.9M
-2.391.8M
-2.396.7M
-2.401.6M
-2.406.5M
-2.411.4M
-2.416.3M
-2.421.2M
-2.426.1M
-2.431.0M
-2.435.9M
-2.440.8M
-2.445.7M
-2.450.6M
-2.455.5M
-2.460.4M
-2.465.3M
-2.470.2M
-2.475.1M
-2.480.0M
-2.484.9M
-2.489.8M
-2.494.7M
-2.499.6M
-2.504.5M
-2.509.4M
-2.514.3M
-2.519.2M
-2.524.1M
-2.529.0M
-2.533.9M
-2.538.8M
-2.543.7M
-2.548.6M
-2.553.5M
-2.558.4M
-2.563.5M
-2.568.4M
-2.573.3M
-2.578.2M
-2.583.1M
-2.588.0M
-2.592.9M
-2.597.8M
-2.602.7M
-2.607.6M
-2.612.5M
-2.617.4M
-2.622.3M
-2.627.2M
-2.632.1M
-2.637.0M
-2.641.9M
-2.646.8M
-2.651.7M
-2.656.6M
-2.661.5M
-2.666.4M
-2.671.3M
-2.676.2M
-2.681.1M
-2.686.0M
-2.690.9M
-2.695.8M
-2.700.7M
-2.705.6M
-2.710.5M
-2.715.4M
-2.720.3M
-2.725.2M
-2.730.1M
-2.735.0M
-2.739.9M
-2.744.8M
-2.749.7M
-2.754.6M
-2.759.5M
-2.764.4M
-2.769.3M
-2.774.2M
-2.779.1M
-2.784.0M
-2.788.9M
-2.793.8M
-2.798.7M
-2.803.6M
-2.808.5M
-2.813.4M
-2.818.3M
-2.823.2M
-2.828.1M
-2.833.0M
-2.837.9M
-2.842.8M
-2.847.7M
-2.852.6M
-2.857.5M
-2.862.4M
-2.867.3M
-2.872.2M
-2.877.1M
-2.882.0M
-2.886.9M
-2.891.8M
-2.896.7M
-2.901.6M
-2.906.5M
-2.911.4M
-2.916.3M
-2.921.2M
-2.926.1M
-2.931.0M
-2.935.9M
-2.940.8M
-2.945.7M
-2.950.6M
-2.955.5M
-2.960.4M
-2.965.3M
-2.970.2M
-2.975.1M
-2.980.0M
-2.984.9M
-2.989.8M
-2.994.7M
-2.999.6M
-3.004.5M
-3.009.4M
-3.014.3M
-3.019.2M
-3.024.1M
-3.029.0M
-3.033.9M
-3.038.8M
-3.043.7M
-3.048.6M
-3.053.5M
-3.058.4M
-3.063.5M
-3.068.4M
-3.073.3M
-3.078.2M
-3.083.1M
-3.088.0M
-3.092.9M
-3.097.8M
-3.102.7M
-3.107.6M
-3.112.5M
-3.117.4M
-3.122.3M
-3.127.2M
-3.132.1M
-3.137.0M
-3.141.9M
-3.146.8M
-3.151.7M
-3.156.6M
-3.161.5M
-3.166.4M
-3.171.3M
-3.176.2M
-3.181.1M
-3.186.0M
-3.190.9M
-3.195.8M
-3.200.7M
-3.205.6M
-3.210.5M
-3.215.4M
-3.220.3M
-3.225.2M
-3.230.1M
-3.235.0M
-3.239.9M
-3.244.8M
-3.249.7M
-3.254.6M
-3.259.5M
-3.264.4M
-3.269.3M
-3.274.2M
-3.279.1M
-3.284.0M
-3.288.9M
-3.293.8M
-3.298.7M
-3.303.6M
-3.308.5M
-3.313.4M
-3.318.3M
-3.323.2M
-3.328.1M
-3.333.0M
-3.337.9M
-3.342.8M
-3.347.7M
-3.352.6M
-3.357.5M
-3.362.4M
-3.367.3M
-3.372.2M
-3.377.1M
-3.382.0M
-3.386.9M
-3.391.8M
-3.396.7M
-3.401.6M
-3.406.5M
-3.411.4M
-3.416.3M
-3.421.2M
-3.426.1M
-3.431.0M
-3.435.9M
-3.440.8M
-3.445.7M
-3.450.6M
-3.455.5M
-3.460.4M
-3.465.3M
-3.470.2M
-3.475.1M
-3.480.0M
-3.484.9M
-3.489.8M
-3.494.7M
-3.499.6M
-3.504.5M
-3.509.4M
-3.514.3M
-3.519.2M
-3.524.1M
-3.529.0M
-3.533.9M
-3.538.8M
-3.543.7M
-3.548.6M
-3.553.5M
-3.558.4M
-3.563.5M
-3.568.4M
-3.573.3M
-3.578.2M
-3.583.1M
-3.588.0M
-3.592.9M
-3.597.8M
-3.602.7M
-3.607.6M
-3.612.5M
-3.617.4M
-3.622.3M
-3.627.2M
-3.632.1M
-3.637.0M
-3.641.9M
-3.646.8M
-3.651.7M
-3.656.6M
-3.661.5M
-3.666.4M
-3.671.3M
-3.676.2M
-3.681.1M
-3.686.0M
-3.690.9M
-3.695.8M
-3.700.7M
-3.705.6M
-3.710.5M
-3.715.4M
-3.720.3M
-3.725.2M
-3.730.1M
-3.735.0M
-3.739.9M
-3.744.8M
-3.749.7M
-3.754.6M
-3.759.5M
-3.764.4M
-3.769.3M
-3.774.2M
-3.779.1M
-3.784.0M
-3.788.9M
-3.793.8M
-3.798.7M
-3.803.6M
-3.808.5M
-3.813.4M
-3.818.3M
-3.823.2M
-3.828.1M
-3.833.0M
-3.837.9M
-3.842.8M
-3.847.7M
-3.852.6M
-3.857.5M
-3.862.4M
-3.867.3M
-3.872.2M
-3.877.1M
-3.882.0M
-3.886.9M
-3.891.8M
-3.896.7M
-3.901.6M
-3.906.5M
-3.911.4M
-3.916.3M
-3.921.2M
-3.926.1M
-3.931.0M
-3.935.9M
-3.940.8M
-3.945.7M
-3.950.6M
-3.955.5M
-3.960.4M
-3.965.3M
-3.970.2M
-3.975.1M
-3.980.0M
-3.984.9M
-3.989.8M
-3.994.7M
-3.999.6M
-4.004.5M
-4.009.4M
-4.014.3M
-4.019.2M
-4.024.1M
-4.029.0M
-4.033.9M
-4.038.8M
-4.043.7M
-4.048.6M
-4.053.5M
-4.058.4M
-4.063.5M
-4.068.4M
-4.073.3M
-4.078.2M
-4.083.1M
-4.088.0M
-4.092.9M
-4.097.8M
-4.102.7M
-4.107.6M
-4.112.5M
-4.117.4M
-4.122.3M
-4.127.2M
-4.132.1M
-4.137.0M
-4.141.9M
-4.146.8M
-4.151.7M
-4.156.6M
-4.161.5M
-4.166.4M
-4.171.3M
-4.176.2M
-4.181.1M
-4.186.0M
-4.190.9M
-4.195.8M
-4.200.7M
-4.205.6M
-4.210.5M
-4.215.4M
-4.220.3M
-4.225.2M
-4.230.1M
-4.235.0M
-4.239.9M
-4.244.8M
-4.249.7M
-4.254.6M
-4.259.5M
-4.264.4M
-4.269.3M
-4.274.2M
-4.279.1M
-4.284.0M
-4.288.9M
-4.293.8M
-4.298.7M
-4.303.6M
-4.308.5M
-4.313.4M
-4.318.3M
-4.323.2M
-4.328.1M
-4.333.0M
-4.337.9M
-4.342.8M
-4.347.7M
-4.352.6M
-4.357.5M
-4.362.4M
-4.367.3M
-4.372.2M
-4.377.1M
-4.382.0M
-4.386.9M
-4.391.8M
-4.396.7M
-4.401.6M
-4.406.5M
-4.411.4M
-4.416.3M
-4.421.2M
-4.426.1M
-4.431.0M
-4.435.9M
-4.440.8M
-4.445.7M
-4.450.6M
-4.455.5M
-4.460.4M
-4.465.3M
-4.470.2M
-4.475.1M
-4.480.0M
-4.484.9M
-4.489.8M
-4.494.7M
-4.499.6M
-4.504.5M
-4.509.4M
-4.514.3M
-4.519.2M
-4.524.1M
-4.529.0M
-4.533.9M
-4.538.8M
-4.543.7M
-4.548.6M
-4.553.5M
-4.558.4M
-4.563.5M
-4.568.4M
-4.573.3M
-4.578.2M
-4.583.1M
-4.588.0M
-4.592.9M
-4.597.8M
-4.602.7M
-4.607.6M
-4.612.5M
-4.617.4M
-4.622.3M
-4.627.2M
-4.632.1M
-4.637.0M
-4.641.9M
-4.646.8M
-4.651.7M
-4.656.6M
-4.661.5M
-4.666.4M
-4.671.3M
-4.676.2M
-4.681.1M
-4.686.0M
-4.690.9M
-4.695.8M
-4.700.7M
-4.705.6M
-4.710.5M
-4.715.4M
-4.720.3M
-4.725.2M
-4.730.1M
-4.735.0M
-4.739.9M
-4.744.8M
-4.749.7M
-4.754.6M
-4.759.5M
-4.764.4M
-4.769.3M
-4.774.2M
-4.779.1M
-4.784.0M
-4.788.9M
-4.793.8M
-4.798.7M
-4.803.6M
-4.808.5M
-4.813.4M
-4.818.3M
-4.823.2M
-4.828.1M
-4.833.0M
-4.837.9M
-4.842.8M
-4.847.7M
-4.852.6M
-4.857.5M
-4.862.4